

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TNH23B1**

Năm học: **23-24**

Mã MH/MĐ: **MH02289**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Thương phẩm và an toàn thực phẩm**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2358102064501	Cao Ngọc Ánh	13/10/2008				8	6.0	8.0			9.5		8.6
2	2358102064502	Chung Nhật Ân	12/06/2008				8	7.0	8.0			9.0		8.4
3	2358102064503	Nguyễn Thành Cang	27/11/2006				8	7.0	8.0			10.0		9.0
4	2358102064504	Trương Trần Ngọc Châu	20/04/2008				9	7.0	8.0			0.0		3.1
5	2358102064505	Nguyễn Kim Hiền Diệu	07/11/2008				7	7.0	8.0			8.0		7.8
6	2358102064506	Nguyễn Ngọc Duy	09/01/2008				8	6.0	8.0			8.5		8.0
7	2358102064507	Nguyễn Thị Mỹ Duy	27/09/2008				7	9.0	8.0			8.3		8.3
8	2358102064508	Võ Lê Thùy Dương	14/04/2008				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
9	2358102064509	Bùi Thị Gấm	28/04/2007				7	8.0	9.0			9.0		8.7
10	2358102064510	Nguyễn Ngọc Hân	11/01/2008				7	6.0	8.0			10.0		8.8
11	2358102064511	Trần Thị Ngọc Hân	07/12/2008				8	8.0	8.0			8.8		8.5
12	2358102064512	Hà Văn Hiếu	25/06/2008				8	7.0	8.0			0.0		3.0
13	2358102064513	Trương Nguyễn Huy Hoàng	11/09/2008				7	6.0	8.0			9.8		8.7
14	2358102064514	Nguyễn Thái Khang	07/09/2008				6	7.0	8.0			0.0		2.9
15	2358102064515	Lê Phương Lam	19/11/2008				8	8.0	8.0			8.8		8.5
16	2358102064516	Nguyễn Thị Tuyết Loan	18/05/2007				6	7.0	8.0			10.0		8.9
17	2358102064517	Nguyễn Ngọc Phương Ly	08/11/2008				8	8.0	8.0			9.8		9.1
18	2358102064518	La Nguyễn Bảo Minh	01/12/2008				8	9.0	7.0			8.5		8.3
19	2358102064519	Bùi Thị Ngọc Mỹ	27/11/2008				8	9.0	7.0			6.0		6.8
20	2358102064520	Võ Nhật Ngân	09/01/2008				8	8.0	7.0			0.0		3.0
21	2358102064521	Ngô Bảo Nghi	29/12/2008				7	8.0	7.0			9.3		8.5
22	2358102064522	Huỳnh Bảo Ngọc	24/05/2008				8	8.0	8.0			9.8		9.1
23	2358102064523	Phạm Đặng Huỳnh Ngọc	16/03/2008				8	8.0	8.0			9.3		8.8
24	2358102064524	Nguyễn Văn Nhon	30/03/2008				6	8.0	8.0			8.8		8.3
25	2358102064525	Lê Thị Huỳnh Như	19/10/2008				8	9.0	8.0			9.8		9.2
26	2358102064526	Trần Minh Nhựt	11/12/2008				5	5.0	5.0			0.0		2.0
27	2358102064527	Võ Thị Kiều Oanh	28/11/2000				9	7.0	9.0			9.8		9.2
28	2358102064528	Nguyễn Thành Phát	11/12/2008				8	8.0	9.0			9.0		8.8
29	2358102064529	Nguyễn Hồ Thiên Phúc	05/10/2008				7	7.0	9.0			7.5		7.6
30	2358102064530	Nguyễn Trường Phúc	26/10/2008				6	6.0	8.0			9.5		8.4
31	2358102064531	Võ Hoàng Kim Phụng	11/08/2008				7	8.0	9.0			9.0		8.7
32	2358102064532	Trần Thảo Quyên	09/04/2008				8	8.0	8.0			10.0		9.2
33	2358102064533	Lê Minh Thuận	11/03/2008				8	8.0	8.0			9.3		8.8
34	2358102064534	Nguyễn Thị Anh Thư	17/07/2008				8	8.0	8.0			10.0		9.2
35	2358102064535	Phan Trường Thương	12/11/2008				7	7.0	8.0			9.3		8.5

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 29 tháng 1 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trương Quốc Bình